TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HSST
Ngày 07 tháng 3 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Quốc Trinh

2. Bà: Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thoan –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà Phùng Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/09/1977 tại xã B, huyện T, tỉnh Y; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Y; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn Nghiệp sinh năm 1951; Mẹ đẻ: Phan Thị Thân sinh năm 1956; Cả bố và mẹ hiện đều ở xã B, huyện T, tỉnh Y; Anh chị em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ hai; Vợ: Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1981, hiện ở xã B, huyện T, tỉnh Y; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Y.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *<u>Người bị hại</u>:* Ông Phan Tuấn T (đã chết); Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện H, tỉnh P.

*<u>*Người đại diện cho bị hại*</u>: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948; Địa chỉ: khu 1, xã V, huyện H, tỉnh P (là vợ của bị hại). Bà V vắng mặt, có uỷ quyền cho anh Phạm Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh P tham gia phiên toà. Anh Thành có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ ánvà diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được túm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 14/10/2021, Nguyễn Văn S sinh năm 1977 ở thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Y điều khiển xe ô tô tải nhón hiệu HYUN DAI, biển kiểm soát 21C - 053.96 của mình đi trên tuyến đường quốc lộ 32C hướng từ huyện T, thành phố H về Y. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, xe đi đến km 62+100 thuộc địa phận khu 1 xã V, huyện H, tỉnh P. Thời điểm này trời lất phất mưa. S nhìn gương chiếu hậu rồi lại quan sát phía trước thì phát hiện cách đầu xe ô tô khoảng 25m có một người đàn ông đang đi bộ sang đường hướng từ phải sang trái theo chiều đi của S. Người này là ông Phan Tuấn T, sinh năm 1943 ở khu 1 xã V, huyện H. Mặc dù S đã đạp phanh xe để tránh nhưng do khoảng cách gần nên đầu xe ô tô đâm vào ông T. Hậu quả: ông Thái bị ngã ra mặt đường tử vong tại chỗ.

Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi. Kết quả khám nghiệm thu được như sau:

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hướng khám nghiệm từ H đi Y. Lấy mép đường phải làm mộp chuẩn; lấy cột mốc km 62+100 QL32C làm vật chuẩn.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường thẳng tại km 62+100 QL32c thuộc khu 1 xã V, huyện H. Mặt đường xe chạy trải nhựa áp phan tương đối bằng phẳng rộng 7,90m có vạch S nét đứt phần chia làm 02 phần đường; lề đường bên phải rộng 1,2m; lề bên trái rộng 02 m.

Tại hiện trường phát hiện 03 dấu vết liên quan đến vụ tai nạn được đánh số từ (01) đến (03). Kết quả đo đạc xác định như sau:

Số (01) là xe ô tô BKS 21C-053.96 dừng đỗ tại phần đường bên phải theo chiều khám nghiệm, đầu xe hướng Y, đuôi xe hướng H; tâm đầu trục bởnh sau bên phải cách mép đường chuẩn 1,40m, cách vật chuẩn 40,2m; tâm đầu trục bánh trước bên phải cách mộp chuẩn 1,20m; hai bánh trước xe có hướng chếch về bên trái theo chiều khám nghiệm.

Số (02) là tử thi ông Phan Tuấn T nằm trên phần đường bên phải theo chiều khám nghiệm. Đỉnh đầu tử thi cách mộp chuẩn 3,60m. Gót chân bên phải tử thi cách mép đường chuẩn 1,20m, cách tâm đầu trục bánh trước bên phải 2,20m. Gót chânbên trái tử thi cách mộp chuẩn 1,10m.

Số (03) là bói dịch màu nâu đỏ kích 2,1 x 0,95m nằm ở phần đường bên phải tiếp giỏp lề đường phải theo chiều khám nghiệm. Tõm bói dịch cách mộp chuẩn 1,1m, cách Gót chân phải tử thi 1,1m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Xe *ô tô BKS 21C - 053.96*:

Về giấy tờ: Xe có đăng ký xe *số 009040* mang tên Nguyễn Văn S; 01 giấy chứng nhận kiểm định hiệu lực đến ngày 03/11/2021; Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS thời hạn đến 02/02/2022;

Về dấu vết trên phương tiện: Phần nắp capo phía trước đầu xe có vết lừm, múp chiều hướng từ trước về sau kích thước 32cm x 46 cm, điểm cao nhất cách mặt đất 1,43m, tâm cách mép ngoài bên phải cabin xe 76cm.

Kiểm tra hệ thống lỏi, phanh xe hoạt động bình thường.

Kết quả khám nghiệm tử thi:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã ra Quyết định trưng cầu giám định nguyên nhân tử vong của ông Phan Tuấn T. Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P tổ chức khám nghiệm tử thi ông Phan Tuấn T xác định các dấu vết tổn thương cơ thể: Rạch mở da đầu vùng đỉnh chẩm tương ứng với vị trí sây át da tụ máu bên ngoài thấy tổ chức dưới da đầu tụ máu, vỡ sập phức tạp xương chẩm kích thước 3cm x 5 cm, chảy máu qua đường vỡ sập xương.

Tại bản KLGĐ pháp y tử thi số 337/PC09-PY ngày 25/10/2021 của Phòng KTHS - Công an tỉnh P kết luận:

"Nguyên nhânchết của ông Phan Tuấn T là do chấn thương sọ nóo (Vỡ phức tạp xương chẩm, chảy mỏu nội sọ)".

Quá trình điều tra xác định khi điều khiển xe Nguyễn Văn S có giấy phép lái xe hạng C, có thời hạn đến ngày 08/05/2024, phù hợp với loại xe điều khiển. Trong hơi thở của S không có nồng độ cồn và S không sử dụng ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong Quá trình điều tra xác định nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông nêu trên là do lỗi của Nguyễn Văn S khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông Không chú ý quan sát; Không giảm tốc độ đến mức an toàn để nhường đường cho người đi bộ sang đường gây tai nạn giao thông làm

ông Phạm Xuân T tử vong. Hành vi của Nguyễn Văn S đã vi phạm khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ và khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Luật giao thông đường bộ quy định:

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

"……

4. Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn."

Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ GTVT quy định:

Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

"Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

……

6. Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường"

Về vật chứng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan CSĐT - Công an huyện H đã trả cho Nguyễn Văn S 01 xe ô tô BKS 21C - 053.96 cựng đăng ký xe số 009040 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS số 2100100392; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD – 3686713; 01 giấy phép lái xe Hạng C số 150082000972 cấp ngày 08/5/2019

Về phần Dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và Không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSHH ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (BLHS); Điều 36 BLHS.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (ba mươi) tháng cải tạo Không giam giữ. Thời hạn cải tạo Không giam giữ tính từ ngày UBND xã B, huyện T, tỉnh Y, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Y, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, huyện T, tỉnh Y trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số Công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo Không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng Không quá 04 giờ trong một ngày và Không quá 05 ngày trong 01 tuần theo quy định tại Điều 36 BLHS. Người bị kết án cải tạo Không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn S

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn S mỗi tháng từ 5% đến 10% trên tổng thu nhập 4.000.000đ/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo Không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xác nhận Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã trả cho Nguyễn Văn S 01 xe ô tô BKS 21C - 053.96; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 009040; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS của chủ xe ô tô số 2100100392; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 3686713; 01 giấy phép lái xe Hạng C số 150082000972 cấp ngày 08/5/2019.

Về trách nhiệm Dân sự:

- Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hành sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Đại diện gia đình bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Trong vụ án này các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khóc Không có ý kiến khiếu nại, do đã các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 14/10/2021, Nguyễn Văn S điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 21C - 053.96 đi trên tuyến đường quốc lộ 32C hướng từ thành phố H lên tỉnh Y. Khi xe đi đến km 62+100 thuộc địa phận khu 1 xã V, huyện H, tỉnh P, S điều khiển xe ô tô tham gia giao thông không chú ý quan sát; không giảm tốc độ đến mức an toàn để nhường đường cho người đi bộ sang đường gây tai nạn giao thông. Hậu quả: ông T tử vong tại chỗ.

Hành vi của Nguyễn Văn S đã vi phạm khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ và khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Luật giao thông đường bộ quy định:

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

"……;

4. Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn."

Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ GTVT quy định:

Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

"Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

……;

6. Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường"

Như vậy đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ:

"*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm .*

a) Làm chết người;

……;

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông, do đã cần phải xử lý nghiêm đề thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với bị cáo.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo nhân thân chưa từng có Tiền án, tiền sự

[5]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

[6]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi

thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000đồng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Không cần buộc bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được mức hình phạt cải tạo Không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành người Công Dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8]. Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, thì trong thời gian chấp hành án hìnhphạt cải tạo Không giam giữ, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo Không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Văn S Xác nhận làm nghề lao động tự do, thu nhập bỡnh quõn hiện nay 4.000.000đ/tháng, nên khấu trừ của bị cáo mỗi tháng là 5% = 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo Không giam giữ để nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[9] Về vật chứng vụ án:

- Cần Xác nhận Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã trả cho Nguyễn Văn S 01 xe ô tô BKS 21C - 053.96; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 009040; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS của chủ xe ô tô số 2100100392; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 3686713; 01 giấy phép lái xe Hạng C số 150082000972 cấp ngày 08/5/2019 là phù hợp quy định của pháp luật (Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 07/12/2021).

[10] Về trách nhiệm Dân sự:

- Cần Xác nhận đại diện gia đình bị hại là bà Nguyễn Thị Vđã nhận đủ số tiền bồi thường là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) của bị cáo (Theo biên bản giao nhận tiền ngày 22/10/2021). Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và Không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử Không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (BLHS); Điều 36 BLHS; Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 30 (Ba mươi) tháng cải tạo Không giam giữ. Thời hạn cải tạo Không giam giữ tính từ ngày UBND xã B, huyện T, tỉnh Y, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Y, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, huyện T, tỉnh Y trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số Công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo Không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng Không quá 04 giờ trong một ngày và Không quá 05 ngày trong 01 tuần theo quy định tại Điều 36 BLHS. Người bị kết án cải tạo Không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hìnhsự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn S

3. Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn S. Mỗi tháng S phải nộp số tiền: 4.000.000 đồng x 5% = 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo Không giam giữ.

4. Về trách nhiệm Dân sự:

- Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn S đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại là bà Nguyễn Thị Vsố tiền bồi thường 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Theo biên bản giao nhận tiền ngày 22/10/2021.

5. Về xử lý vật chứng:

Xác nhận quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã trả cho Nguyễn Văn S 01 xe ô tô BKS 21C - 053.96; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 009040; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS của chủ xe ô tô số 2100100392; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 3686713; 01 giấy phép lái xe Hạng C số 150082000972 cấp ngày 08/5/2019 (Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 07/12/2021).

6. Về án phí : Buộc Bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phỳc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện H;
- CA tỉnh P,
- CA huyện H;
- Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo, đại diện người bị hại;
- Lưu AV, HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Yên